

# Nghiên cứu nghèo khổ: phê bình phương pháp luận đã có và góc nhìn nghiên cứu mới\*

Liang Ningxin<sup>1</sup>

Nghèo khổ là một hiện tượng xã hội gắn liền với tiến trình phát triển của xã hội nhân loại. Giải thích vấn đề nảy sinh hiện tượng nghèo khổ, là vấn đề lý luận, đồng thời cũng liên quan đến thực tiễn làm thế nào giải quyết được vấn đề nghèo khổ. Xuất phát từ góc độ lịch sử phát triển học thuật, trên cơ sở cách giải thích trong những nghiên cứu nghèo khổ ở thành thị trước đây và tổng thuật phương pháp luận của những nghiên cứu này, bài viết này đưa ra góc nhìn mới trong nghiên cứu về nghèo khổ ở thành thị.

## I. Tổng thuật cách giải thích trong hai loại nghiên cứu nghèo khổ ở thành thị

Nhìn từ góc độ lịch sử phát triển học thuật, giải thích về vấn đề nảy sinh nghèo khổ, thời kỳ đầu có sự giải thích của trường phái cá nhân và trường phái gia đình, các nhà xã hội học như Booth và J. Rowntree chủ yếu xuất phát từ góc độ cá nhân và gia đình phân tích nguyên nhân nảy sinh nghèo khổ ở thành thị (xem Liu Yuting, 2003). Những năm 1960 và đầu những năm 1970, nhiều nhà xã hội học đã bắt đầu không chấp nhận cách giải thích nguyên nhân dẫn đến nghèo khổ là do cá nhân và gia đình, từ đó đã xuất hiện việc sử dụng cơ cấu và văn hóa để giải thích nghèo khổ.

Cách giải thích nghèo khổ bằng cơ cấu cho rằng nguyên nhân của nghèo khổ là do cơ cấu kinh tế, xã hội, chính trị. Nghèo khổ bắt nguồn từ sự bất bình đẳng trong việc nắm giữ các nguồn lực kinh tế, xã hội, chính trị. Mác cho rằng, chế độ chiếm hữu tư liệu sản xuất bất bình đẳng (cơ cấu kinh tế) là nguyên nhân căn bản nảy sinh vấn đề nghèo khổ của giai cấp công nhân. Các nhà xã hội học theo chủ nghĩa cơ cấu - chức năng cho rằng, nghèo khổ là kết quả của cơ cấu kinh tế, xã hội, chính trị bất bình đẳng do phân công vai trò xã hội tạo thành. Cơ cấu quyền lực kinh tế, xã hội bất bình đẳng do phân công vai trò xã hội khác nhau tạo thành là một hiện tượng xã hội thường gặp, do vậy sự bất bình đẳng về thu nhập nảy sinh trong cơ cấu bất bình đẳng và nghèo khổ là hiện tượng phổ biến, tất yếu và không thể tránh khỏi (dẫn lại từ Zhou Binbin, 1991: 72-73). Các nhà kinh tế học cũng cho rằng như vậy, nghèo khổ là kết quả của tác động bởi kinh tế thị trường dẫn đến cơ cấu cung cầu thị trường sức lao động mất cân bằng, do vậy sự dao động của thị trường gây nên thất nghiệp và nghèo khổ là không thể tránh khỏi. Sự thực, theo quan điểm của những người theo chủ nghĩa cơ cấu - chức năng, nghèo khổ là kết quả của sự vận hành bình thường kinh tế xã hội, có chức năng duy trì sự vận hành và phát triển của xã hội. Các nhà kinh tế học cũng cho rằng, nghèo khổ có chức năng điều tiết cung cầu sức lao động và bản thân thị trường cần có nghèo khổ (xem Guan Xinping, 1999: 51-52; Zhou Yi, 2002).

Tóm lại, theo giải thích của các nhà xã hội học theo chủ nghĩa cơ cấu - chức năng, thì nghèo khổ vừa là kết quả của cơ cấu kinh tế, xã hội, chính trị bất bình đẳng và vừa là chức

\* Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu đề tài nhánh “Nghiên cứu quản thể nghèo khổ ở thành phố”, người phụ trách Liang Ningxin, thuộc dự án do Quỹ Khoa học xã hội triết học Nhà nước cấp kinh phí, “Lý luận, chính sách và thực tiễn của quản thể yếm thế ở thành phố và phúc lợi xã hội” do GS. Cai He, Khoa Xã hội học Trường Đại học Trung Sơn chủ trì, mã số: 02BSH039.

<sup>1</sup> Nghiên cứu sinh Tiến sĩ Khoa Xã hội học Trường Đại học Trung Sơn, Quảng Châu, Trung Quốc.

năng của kinh tế, xã hội vận hành một cách thông thường, là một hình thái thông thường trong xã hội. Do vậy, trong khung giải thích nghèo khổ của chủ nghĩa cơ cấu - chức năng, xuất phát từ bất kỳ góc độ nào đưa ra chính sách chống nghèo khổ đều thực sự không giải quyết được vấn đề nghèo khổ, có khi cũng không cần thiết. Những chính sách chống lại nghèo khổ xuất phát từ cơ cấu kinh tế, xã hội, chính trị bất bình đẳng chỉ có thể làm giảm đi mức độ nghèo khổ mà thôi, khó mà giải quyết tận gốc vấn đề nghèo khổ.

Khác với cách giải thích cơ cấu - chức năng, cách giải thích nghèo khổ từ góc độ văn hóa đã quy kết nguyên nhân nghèo khổ là do cá nhân. Những học giả như Oscar Lewis, Edward C. Banfield cho rằng, sở dĩ bộ phận quần thể (khu vực) trở thành nghèo khổ là do văn hóa nghèo khổ của quần thể này (khu vực này) tách rời khỏi văn hóa chính thống của xã hội (chủ nghĩa gia đình mang tính phi đạo đức). Loại văn hóa nghèo khổ này bao gồm ý thức hèn hạ, khuất phục, không muốn quy hoạch tương lai, không có lý tưởng hiện thực và hoài nghi quyền uy, hoặc ích kỷ, bản vị gia đình, bài xích hợp tác tập thể. Ngoài ra, văn hóa nghèo khổ có thể được cha truyền con nối thông qua quan hệ nội bộ, từ đó làm cho người nghèo khổ và gia đình họ rơi vào vòng tuần hoàn ác tính nghèo khổ (xem Zhou Binbin, 1991: 81-83; Guan Xinping, 1999: 55-60; Zhou Yi, 2002). Tóm lại, trong khung lý thuyết phân tích nhân tố văn hóa dẫn đến nghèo khổ, đã lộ ra khái niệm như sau: sở dĩ người ta nghèo khổ là vì văn hóa riêng của họ khác với số đông. Do vậy, người nghèo khổ muốn thoát khỏi nghèo khổ, cần phải thoát khỏi sự trói buộc của văn hóa nghèo khổ. Hơn nữa, do văn hóa nghèo khổ có đặc tính nội sinh và tự phát, nên Edward C. Banfield cho rằng, “người nghèo không thể dựa vào sức mạnh của mình để nắm lấy cơ hội có lợi thoát khỏi số phận nghèo khổ, bởi vì trong họ đã có nhiều quan niệm giá trị hoàn toàn không hợp với xã hội lớn để thay đổi khả năng nghèo khổ của họ (dẫn lại từ Zhou Yi, 2002). “Lý luận đời này truyền qua đời khác về nghèo khổ” của Michael Harrington và “Mô thức vòng tuần hoàn ác tính nghèo khổ” của D.P. Moynihan (xem Duan Minfang, 2002) đều cho thấy rõ, sở dĩ nghèo khổ có tính cha truyền con nối là do văn hóa nghèo khổ có đặc tính tái sinh nghèo khổ.

Hai cách giải thích bằng lý thuyết cơ cấu và văn hóa trong nghiên cứu về nghèo khổ đã bị phê phán rất nhiều. Trong đó, cách giải thích bằng cơ cấu do chủ yếu chú ý đến nhân tố bên ngoài mà quên đi nhân tố năng động của cá thể nên bị phê phán, còn khung giải thích văn hóa nghèo khổ lại chứa đựng sự mơ hồ về khái niệm, mâu thuẫn về lôgic, tư liệu nghiên cứu không đầy đủ, thiếu sót về phương pháp luận, quá nhấn mạnh nhân tố tự thân, tâm lý và văn hóa, mà quên đi sự thiếu sót điều kiện vật chất và chính trị xã hội có khả năng dẫn đến nảy sinh văn hóa nghèo khổ, nên đã bị chỉ trích (Zhou Yi, 2002; Guan Xinping, 1999: 550). Tiếp sau đó, nghiên cứu về cư dân da đen trong nội thành (bao gồm cả thanh thiếu niên) và cư dân nghèo khổ tại các khu vực Chicago (Duneier, 1992), Philadelphia (Nightingale, 1993), Harlem New York (Newman, 1999), các học giả người Mỹ đều phát hiện, cách giải thích bằng văn hóa đối với cư dân nghèo khổ ít nhiều mang tính phiến diện, tình hình thực tế không như vậy. Đồng thời, thiếu phân tích sâu từ góc độ cơ cấu đối với sự nảy sinh văn hóa nghèo khổ. Các học giả như C. Valentine và H. Rodman chỉ ra, sở dĩ văn hóa nghèo khổ kéo dài trong gia đình qua nhiều đời, là bởi vì người nghèo đối mặt với vấn đề kinh tế xã hội như nhau, là môi trường bên ngoài đã quyết định sự kéo dài của văn hóa nghèo khổ trong gia đình, mà không phải là ngược lại. Một khi môi trường thay đổi, hành vi, giá trị quan của người nghèo (văn hóa nghèo khổ) cũng thay đổi theo (xem Zhou Binbin, 1991: 85-86). Còn W.J. Wilson xuất phát từ góc độ sự thay đổi cơ cấu cộng đồng của cá thể đang sống, thảo luận cơ chế nảy sinh văn hóa nghèo khổ. Ông cho

rằng, quá trình nảy sinh văn hóa dân nghèo (Ghetto culture), trên thực tế không phải là quá trình truyền từ đời này qua đời khác của việc chống lại văn hóa xã hội một cách tự do, liên tục và chính bản thân nội tại của văn hóa này, mà là kết quả mang tính cơ cấu của sự nghèo khổ tập trung trong cộng đồng và sự cô lập xã hội của chính sự tập trung nghèo khổ trong cộng đồng này sinh ra. Đó chính là sự nghèo khổ tập trung trong cộng đồng và sự cô lập xã hội đã làm nảy sinh sách lược mang tính thích ứng của người nghèo (văn hóa nghèo khổ) (WJ Wilson, 1987). Nói một cách khác, văn hóa nghèo khổ chỉ là kết quả thay đổi cơ cấu bên ngoài của cá thể, hay là như Herbert J. Gans từng nói: “văn hóa nghèo khổ chỉ là một loại phản ứng tình cảnh đối với sự thay đổi cơ cấu, hành vi của người nghèo phải đối mặt với sự trói buộc và sự khích lệ hoặc nói rằng văn hóa nghèo khổ trước tiên là kết quả phản ứng của cá thể (người nghèo đối mặt với sự bài xích kinh tế, chính trị và thông tin)” (trích lại từ Rakin & Quane, 2000).

## II. Phương pháp luận nghiên cứu nghèo khổ và những phê phán

Sở dĩ giải thích cơ cấu và giải thích văn hóa nghèo khổ là hai mảng tách biệt, nguyên nhân là ở chỗ bị ảnh hưởng bởi phương pháp luận. Sự thực, nếu chúng ta phân tích nguồn gốc phương pháp luận của việc giải thích cơ cấu và văn hóa nghèo khổ, thì có thể phát hiện hai cách giải thích này là kết quả của phương pháp luận của lý luận thực thể xã hội học, sau lưng nó ẩn chứa sự xung đột phương pháp luận nghiên cứu xã hội học truyền thống: đối lập quan hệ giữa chủ thể hành động và cơ cấu.

Trong nghiên cứu xã hội học truyền thống, rõ ràng tồn tại sự đối lập phương pháp luận giữa chủ nghĩa cá thể và chủ nghĩa chính thể: trong phương pháp luận xã hội học, hoặc là giải thích cơ cấu bằng hành động cá nhân, hoặc giải thích hành vi cá nhân bằng cơ cấu, từ đó hình thành sự đối lập giữa chủ nghĩa chính thể, truyền thống thực chứng với chủ nghĩa cá thể, truyền thống nhân văn trong truyền thống phương pháp luận nghiên cứu xã hội học (Weber, 1987; Durkhiem, 1997; Liu Zhongqi, Feng Tianxiao, 2002; Zhou Yele, 2004). Đằng sau hai loại phương pháp luận này, trên thực tế đều ẩn chứa dự tính bản thể luận: trong phương pháp luận chủ nghĩa cá thể, trên thực tế bao hàm dự tính lý luận không cần nghiệm chứng như thế này: chủ thể hành động là cá thể có năng lực hành động. Vì vậy, hiện tượng xã hội chỉ có thể giải thích thông qua hành động cá thể, còn hành động cá thể không cần thông qua xã hội để giải thích. Còn đằng sau phương pháp luận trong chủ nghĩa chính thể thì ẩn chứa dự tính bản thể luận xã hội, tức bản thể xã hội là xuất phát điểm của tất cả sự giải thích, do vậy, bản thân xã hội không thể giải thích bằng hành động cá thể mà chỉ có thể giải thích bằng chính thể xã hội. Phương thức tư duy theo phép siêu hình học giải thích thực thể hóa, đơn nhất hóa làm cho chủ nghĩa cá thể và chủ nghĩa chính thể rơi vào chỗ đối lập nhị nguyên có cái này thì không có cái kia, do vậy dẫn đến sự đối lập giữa cá thể với xã hội, giữa hành động với cơ cấu, giữa vi mô với vĩ mô (xem Liu Jiangtao, Tian Youzhong, 2003; Zhou Yele, 2004).

Giải thích cơ cấu và giải thích văn hóa nghèo khổ là kết quả xuất phát từ thực thể luận xã hội học đối lập trên đây, theo cách nói của Anthony Giddens, hai phương thức giải thích này, trên thực tế là bản thể luận đối lập nhị nguyên của truyền thống xã hội học tái hiện trong lĩnh vực nghiên cứu nghèo khổ.

*Thứ nhất*, trong cách giải thích cơ cấu “cơ cấu mạnh còn hành động yếu”, bất luận là giải thích từ góc độ kinh tế học hay xã hội học, trên thực tế đều ẩn chứa quan điểm như sau: nghèo khổ chỉ là kết quả của cơ cấu xã hội, kinh tế, chính trị. “Đường như các phương diện của cơ cấu, đều dẫn đến và gây ra nghèo khổ, còn việc điều chỉnh cơ cấu thực sự không thể giải quyết được

nghèo khổ” (Zhou Yi, 2002). Đằng sau việc giải thích sự nghèo khổ này, ẩn chứa giả thiết của bản thể luận xã hội: cơ cấu là thực thể tồn tại ngoài hoạt động cá thể, “hoàn toàn là tiên nghiệm”, theo cách nói của Anthony Giddens, đó là “sự vắng mặt của chủ thể” cơ cấu xã hội trong quá trình hình thành. Phía sau của bản thể luận này, trên thực tế cũng ẩn chứa sự phán đoán giá trị như sau: nghèo khổ là kết quả của cơ cấu, cơ cấu là nguồn gốc hình thành nghèo khổ, hành động của cá thể hoàn toàn đứng ngoài cơ cấu và không tham gia vào việc xây dựng cơ cấu, cá thể không có năng lực ràng buộc cơ cấu bên ngoài kiểu này. Do vậy, thông qua hành động cá thể, giải quyết nghèo khổ bằng cách điều chỉnh cơ cấu không những không thể, mà còn không cần thiết, bởi vì nghèo khổ là hiện tượng thông thường của xã hội, có tính chức năng xã hội nhất định. Cho nên, dưới sự trói buộc cơ cấu kiểu này, cá thể hành động chỉ có thể dao động một cách tiêu cực, chỉ có thể dựa vào quy phạm vai trò bên trong của quá trình thiết chế hóa cơ cấu để hành động, hành động cá thể không có tính chức năng chủ quan, hành vi này hoàn toàn được xã hội kỳ vọng, quy định bởi quy phạm, sự khác biệt của cá thể thông thường bị coi nhẹ, không phải là nhân tố được giải thích, do vậy cá thể trở thành cá thể của “quá độ xã hội hóa” như Mark Granovetter đã nói (dẫn lại từ Zhou Xueguang, 2003: 120), còn tính chức năng và tính sáng tạo của chủ thể hành động ngược lại mất đi gần hết trong quá trình xây dựng cơ cấu.

*Thứ hai*, trong cách giải thích văn hóa “hành động mạnh còn cơ cấu yếu” cho rằng, chỉ có thông qua hành động của bộ phận người nghèo khổ thì mới có thể giải thích được hiện tượng nghèo khổ: thông qua hành động của người nghèo khổ sinh ra văn hóa nghèo khổ khác với giá trị chính thống của xã hội, loại văn hóa nghèo khổ này được sinh ra do hành động của người nghèo khổ có tính tự chủ, có đặc tính sinh sản và tái tạo nghèo khổ. Trên thực tế, đằng sau cách giải thích văn hóa này ẩn chứa giả thiết bản thể luận như sau: người nghèo khổ là cá thể “tự tại” năng động, tự do, không chịu sự trói buộc của cơ cấu và thiết chế. Do vậy, nảy sinh sự phán đoán có giá trị: nghèo khổ là kết quả hành động tự chủ của người nghèo khổ, nghèo khổ là kết quả do người nghèo tự lựa chọn. Đằng sau khung giải thích văn hóa “trách móc người nghèo này” ít hay nhiều ẩn chứa sự kỳ thị đối với người nghèo hoặc tư tưởng chủ nghĩa Darwin trong xã hội v.v... (xem Zhou Yi, 2002). Từ đó có thể thấy rằng, trong cách giải thích văn hóa nghèo khổ, cùng với thừa nhận hành động cá thể có tính tự chủ, cũng cự tuyệt sự ảnh hưởng của cơ cấu bên ngoài cá thể đối với hành động cá thể: nghèo khổ của cá thể chỉ là kết quả của hành vi cá thể, là kết quả tự mình lựa chọn chỉ không liên quan tới cơ cấu bên ngoài, hành động của cá thể không chịu ảnh hưởng của nhân tố cơ cấu như thiết chế bên ngoài cá thể. Sự nghèo khổ của cá thể là kết quả mà nó lựa chọn văn hóa, chứ không phải là kết quả của cơ cấu và thiết chế, hành động cá thể không chịu sự trói buộc của thiết chế và cơ cấu ngoài cá thể, từ đó cá thể chỉ là cá thể “phi xã hội hóa” hoặc “xã hội hóa” không đủ như Mark Granovetter đã từng nói mà thôi (dẫn lại từ Zhou Xueguang, 2003: 110).

Mặc dù cách giải thích cơ cấu và văn hóa nghèo khổ đã có xu thế thống nhất, trộn lẫn vào nhau ở mức độ nào đó (Zhou Yi, 2002), ví như là nhà lý luận cơ cấu W. J. Wilson giải thích, sự nảy sinh gia cấp ở tầng đáy trong khung cơ cấu, về tổng thể không chấp nhận lý luận văn hóa nghèo khổ của Lewis, nhưng giải thích của ông ở mức độ nhất định vẫn có sắc thái văn hóa, đó chính là đặc điểm kết hợp giữa hai cách giải thích cơ cấu và văn hóa: cùng với việc ông khẳng định thiếu cơ hội việc làm là nguyên nhân cuối cùng của sự nghèo khổ của người da đen nội thành (giải thích theo cơ cấu), đồng thời cũng cho rằng thất nghiệp, nghèo khổ tập trung hóa trong thời gian dài sẽ làm cho cư dân thành thị nảy sinh tự mình có năng lực yếu, do vậy khi tình hình kinh tế có chuyển biến tốt thì họ cũng khó nắm được cơ hội tốt tìm

kiếm việc làm (Wilson, 1987), điều này thực tế có hàm ý giải thích bằng văn hóa. Sự thực, có học giả còn nêu ra, nếu truy cứu đối với việc làm thế nào phát triển được năng lực của chính mình và nhân tố nào trói buộc sự thay đổi của nó, như vậy văn hóa riêng và phương thức hành vi của người nghèo khổ sẽ không tránh khỏi việc đưa vào phạm vi suy xét (Small và Newman, 2001).

Tất nhiên, cần chỉ ra là cách giải thích bằng cơ cấu và văn hóa trong nghiên cứu nghèo khổ về căn bản vẫn là cách giải thích nghèo khổ của hai loại đối lập. Trong cách giải thích văn hóa, chủ thể hành động tự chủ, năng động, cơ cấu (văn hóa) do cá thể xây dựng thông qua hành động tự chủ, còn cơ cấu không có ý nghĩa gì đối với hành động cá thể. Cách này quan tâm đến những nhân tố bên trong nảy sinh bởi những quy phạm mà người nghèo đã quen thuộc, như: ảnh hưởng của động cơ, tín ngưỡng, đặc trưng hành vi, tâm lý của cá nhân nảy sinh và phát triển đối với nghèo khổ và cho rằng, những nhân tố này đã tham gia vào việc xây dựng văn hóa nghèo khổ, nó chính là loại văn hóa nghèo khổ đặc biệt tạo nên sự nghèo khổ và làm cho nghèo khổ kéo dài từ đời này qua đời khác. Tuy nhiên, cách giải thích này ngược lại không thấy được các nhân tố trong thực tiễn tạo nên nghèo khổ do thiết chế hoặc chính sách sinh ra, như cơ hội thị trường, thu nhập tương đối cao, chủ nghĩa chủng tộc, thay đổi cơ cấu... (Zhou Yi, 2002), đó chính là vai trò hạn chế của cơ cấu bên ngoài cá thể đã bị coi nhẹ.

Còn cách giải thích cơ cấu về nghèo khổ là phương pháp điển hình lôgic tư duy của chủ nghĩa cơ cấu trong xã hội học: nghèo khổ là kết quả của cơ cấu. Hành vi con người chịu sự ràng buộc của cơ cấu như thế nào, thông thường được giải thích bằng các thuộc tính của con người. Dưới sự chỉ đạo của loại quan điểm này, nghiên cứu xã hội chú ý đến những vấn đề như mọi người thuộc gia tầng nào, có đặc điểm gì (tuổi, giới tính), có chiếm hữu loại nguồn lực nào không và chiếm hữu bao nhiêu. Ví dụ như: khi Mác giải thích sự nảy sinh nghèo khổ đã sử dụng phương pháp phân loại chiếm hữu nguồn lực (tư liệu sản xuất) phân thành giai cấp tư sản và vô sản, chính là chiếm hữu bất bình đẳng các nguồn lực đã dẫn đến nảy sinh hình vi bóc lột và hiện tượng nghèo khổ kéo dài, các giải thích cơ cấu kinh tế học cũng có điểm giống như vậy. Cùng với việc nhấn mạnh vai trò của cơ cấu (kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa) đối với việc tạo nên nghèo khổ, tác dụng của hành động cá thể trong quá trình xây dựng cơ cấu xã hội, chính trị, kinh tế bị loại trừ đi. Do vậy, trong lôgic giải thích cơ cấu nghèo khổ, vấn đề cơ cấu sinh ra như thế nào trở thành một mệnh đề không cần chứng minh và tiên nghiệm, tác dụng của chủ thể hành động trong việc làm nảy sinh cơ cấu bị bỏ đi. Nhưng theo Harrison White và Mark Granovetter thì phương pháp phân tích này làm cho chúng ta khó thấy được toàn bộ diện mạo của cơ cấu xã hội, nên dễ dẫn đến nhầm lẫn về lý luận (Bian Yanjie, 1999), ví dụ như: tại sao cuộc sống của những người có địa vị xã hội giống nhau lại có sự cách biệt, có người giàu, kẻ nghèo?

### **III. Góc nhìn mới trong nghiên cứu nghèo khổ ở thành thị: từ quan điểm cơ cấu địa vị đến cơ cấu mạng lưới và sự kết hợp giữa chúng**

Khi đối mặt với vấn đề tương đồng và sự thực tương đồng, giải thích cơ cấu và văn hóa nghèo khổ, thường thường có những giải thích khác nhau, xuất hiện một loại quan hệ đối lập. Nguồn gốc đối lập trong giải thích văn hóa và cơ cấu nghèo khổ là ở chỗ thực thể hóa và cá thể hóa phương pháp luận nghiên cứu. Xuất phát từ bản thể luận này, tất nhiên các cách giải thích vấn đề nghèo khổ hoặc là xuất phát từ góc độ cơ cấu, hoặc xuất phát từ góc độ văn hóa. “Với ý nghĩa này mà nói, coi nhẹ bất kỳ sự giải thích nào, hoặc nghiêng về bất cứ một góc cạnh nào đều sẽ bị thiếu sót, do vậy phải “thực sự lý giải nghèo khổ, cần phải kết hợp



giữa giải thích văn hóa với cơ cấu” (Zhou Yi, 2002). Tuy nhiên, việc kết hợp này, không thể kết hợp với nhau như từ góc độ và cách giải thích lý luận của Zhou Yi (2002) đã nói, mà cần phải hóa giải từ phương pháp luận và bản thể luận sau của phương pháp luận, tức là triết đề hóa giải cơ sở của hai cách giải thích này thì mới có thể thực hiện. Điều này cũng nói lên rằng, phải tổng hợp hai cách giải thích này, cần phải vượt qua sự đối lập về phương pháp luận chủ nghĩa cá thể và chủ nghĩa chính thể của cách giải thích văn hóa và cơ cấu trong nghiên cứu nghèo khổ, vứt bỏ đi phương thức tư duy bản thể hóa, thực thể hóa ẩn chứa sau lưng phương pháp luận, xuất phát từ góc độ quan hệ và phi thực thể suy xét lại cá thể, xã hội và mối quan hệ giữa cá thể với xã hội.

Bourdieu khi phản đối sự đối lập nhị nguyên của phương pháp luận, đã cố gắng đưa ra chủ nghĩa quan hệ trong phương pháp luận. Ông sáng suốt sửa lại mệnh đề “tồn tại là hợp lý” của Hegel thành “tồn tại là quan hệ” (Bourdieu, Wacquant, 1998: 133) và sử dụng khái niệm “nơi chốn” (Field) và “thói quen” (Habitus) mang tính quan hệ lần lượt thay thế chính thể và cá thể xã hội đã bị bản thể hóa, xây dựng khung lý luận cơ cấu nơi chốn với những khái niệm như nơi chốn, thói quen, điều kiện ràng buộc xã hội, vốn (capital). Ông chỉ ra, cơ cấu xã hội do nơi chốn xã hội cấu thành, nơi chốn được cấu thành bởi hàng loạt các quan hệ giữa các vị trí theo hình thức quyền lực hoặc tư bản nào đó, những người tham gia vào nơi chốn thông qua sự tác động qua lại tăng thêm hoặc duy trì chủng loại và số lượng vốn của họ, làm thay đổi một bộ phận hoặc toàn bộ cơ cấu phân bổ vốn và cơ cấu quan hệ giữa các vị trí khác nhau, từ đó thay đổi cơ cấu nơi chốn. Còn thói quen là một loại tinh thần hoặc cơ cấu nhận thức của con người, là một loại cơ cấu có thể làm nảy sinh cơ cấu. Thói quen có tính sáng tạo, thuộc phương diện mang tính năng động của cá thể, có thể thể hiện sức tưởng tượng của cá thể, nhưng lại chịu sự hạn chế của cơ cấu, những cơ cấu này là sự tích tụ của bản thân cơ cấu xã hội, thói quen và nơi chốn là quá trình sinh thành xã hội mang tính kép, chúng chỉ có thể phát huy hết vai trò của chúng trong mối quan hệ lẫn nhau. Nơi chốn tạo ra sân chơi cho thực tiễn, nơi chốn tạo nặn thói quen, thói quen ngược lại tạo ra ý nghĩa cho nơi chốn và hình thành nơi chốn. Cũng có thể nói rằng, quá trình sinh thành kép giữa thói quen và nơi chốn đã cấu thành lôgic chân thực của việc làm tái sinh xã hội (Bourdieu, Wacquant, 1998; Guo Yideng, 2003; Zhou Yele, 2004; Li Quansheng, 2002; Xiao Junming, 1996).

Anthony Giddens phản đối việc coi quan hệ giữa chủ thể hành động và cơ cấu là đối lập mang tính bên ngoài cứng nhắc và cho rằng trên cơ sở hoạt động thực tiễn nên coi là quan hệ mang tính xây dựng kép có sự tổ hợp bên trong, tác động cùng sinh tồn với nhau. Ông chủ trương sử dụng tính chất kép của cơ cấu (duality of Structure) thay thế lý luận nhị nguyên (dualism), dùng lý luận cơ cấu hóa phá bỏ và hóa giải sự đối lập nhị nguyên của hành động và cơ cấu. Trong lý luận cơ cấu hóa của ông, chủ thể hành động là cá thể hoặc quần thể tự chủ có tri thức, dẫn dắt hành động, có đặc điểm có tri thức và năng động. *Cơ cấu vừa là kết quả thực tiễn của xã hội, đồng thời lại không tồn tại mang tính thực thể, mà là quy tắc và nguồn lực tiềm tàng trong hệ thống xã hội không ngừng tái tạo.* Là chủ thể hành động được coi là có tri thức và năng động thì trong các loại hoạt động thực tiễn có thể không ngừng nhận thức, lợi dụng các loại quy tắc và nguồn lực, đồng thời trong các loại hoạt động thực tiễn làm nảy sinh và tái sinh ra quy tắc và nguồn lực, do vậy mà cơ cấu vừa không ngừng hòa nhập vào trong hoạt động thực tiễn, trở thành bộ phận cấu thành của hành động, đồng thời lại có thể được tái sinh ra trong hoạt động thực tiễn, trở thành kết quả của hành động. Nói một cách khác, hành động được cơ cấu ra từ trong vòng tuần hoàn hoạt động thường ngày, lặp đi lặp lại và đặc

trung cơ cấu hóa kiểu này của hành động lại được tái sinh ra do vai trò của bản thân chủ thể hành động. Nói một cách khái quát rằng, “trong sự ràng buộc chúng ta sáng tạo ra một thế giới ràng buộc chúng ta” (Anthony Giddens, 1998: 89; Jonathan H. Turner, 2001: 170-173; Huang Ping, 1995; Li Meng, 1996; Hou Junsheng, 2001: 335-336; Zhou Zhishan, Xu Daping, 2002; Liu Jiangtao, Tian Youzhong, 2003; Li Hongzhan, 2004).

Quan điểm của Giddens và Bourdieu có ý nghĩa gợi ý trực tiếp đối với việc xây dựng phương pháp luận nghiên cứu nghèo khổ của chúng ta. Hóa giải sự đối lập trong cách giải thích cơ cấu và văn hóa trong nghiên cứu nghèo khổ, cần phải loại bỏ phương thức tư duy cá thể hóa, thực thể hóa, xuất phát từ góc độ quan hệ luận và phi thực thể luận đi xem xét lại quan hệ giữa hành động và cơ cấu, từ quan điểm cơ cấu địa vị xã hội trạng thái tĩnh chuyển sang quan điểm cơ cấu mạng lưới trạng thái động, từ đó kết hợp hữu cơ giữa hai quan điểm này.

Khác với quan điểm cơ cấu địa vị xuất phát từ trạng thái tĩnh, nhấn mạnh cơ cấu giáo dục và kinh tế của cá thể đã có, quan điểm cơ cấu mạng lưới xuất phát từ quan hệ luận, cho rằng cá thể là người xã hội, luôn luôn nảy sinh ít hay nhiều mối liên hệ (ties) với các quần thể trong môi trường xã hội, sự liên hệ này liên kết các cá thể khác nhau với nhau, mối liên hệ, tiếp xúc, giao lưu, trao đổi giữa các cá thể (cá nhân, tổ chức) này với các cá thể (cá nhân, tổ chức) khác đều nảy sinh ảnh hưởng đối với hành vi của các cá thể (cá thể, tổ chức) (Bian Yanjie, 1999: 111). Do vậy, xuất phát từ quan hệ luận, chứ không phải xuất phát từ thực thể luận của cá thể và chính thể, như vậy có thể bỏ đi được sự đối lập giữa hành động với cơ cấu, vi mô với vĩ mô, chủ thể với khách thể.

Xuất phát từ quan hệ luận, cá thể nghèo khổ đều là chủ thể lý tính, có tính năng động, đều là cá thể nảy sinh liên hệ ít nhiều với các cá thể khác. Là chủ thể hành động lý tính, nhằm đáp ứng nhu cầu lợi ích đối mặt với cuộc sống, thoát khỏi nghèo khổ, có được cơ hội sống tốt hơn, cá thể nghèo khổ có ý hoặc không có ý nảy sinh liên hệ với các cá thể, tổ chức khác (nhất là những chủ thể có thể đem lại cho mình lợi ích một cách trực tiếp hoặc gián tiếp), tiến hành trao đổi vật chất hoặc phi vật chất, từ đó làm cho quan hệ ngẫu nhiên được duy trì ổn định và hình thành mối liên hệ tương đối cố định và thiết chế hóa, mối liên hệ này tức là cơ cấu mạng lưới hóa, tồn tại một cách khách quan. Cũng có thể nói rằng, cá thể năng động thông qua sự tác động lẫn nhau (tiếp xúc, giao lưu, trao đổi) tham gia vào cơ cấu mạng lưới. Hơn nữa chủ thể hành động cá thể cũng có thể thu được các nguồn lực khác nhau từ quan hệ mạng lưới được xây dựng và các mạng lưới khác nhau, từ đó một phần thay đổi tình trạng nắm giữ nguồn lực của mình, thay đổi địa vị của mình và điều này ảnh hưởng đến hành động của cá thể trong tương lai. Với ý nghĩa như vậy, cá thể tham gia vào xây dựng cơ cấu mạng lưới và chịu ảnh hưởng bởi cơ cấu mạng lưới mà mình đã xây dựng, từ đó đã khắc phục được sự đối lập giữa hành động cá thể và cơ cấu trong giải thích bằng văn hóa và cơ cấu.

Khác với quan điểm cơ cấu địa vị là, quan điểm cơ cấu mạng lưới không chú trọng vào thuộc tính xã hội (giới tính, giai cấp) của cá thể đã có, mà là chú trọng đến *quan hệ tác động lẫn nhau giữa cá thể này với cá thể khác*; không coi cá thể là cá thể cô lập, mà là *cá thể trong mạng lưới không ngừng nảy sinh liên hệ với cá thể khác*; không nhấn mạnh sự chiếm hữu nguồn lực hiện thực của cá thể, mà là quan tâm đến nỗ lực thu hút nguồn lực của cá thể trong mạng lưới (Bian Yanjie, 1999: 111): nếu cá thể chiếm giữ vị trí có lợi trong cơ cấu mạng lưới, liên hệ nhiều với các thể có tính chất khác, như vậy mặc dù trong hiện tại không có cái gì hết, nhưng trong tương lai họ có thể thu được càng nhiều nguồn lực có lợi trong mạng lưới quan hệ của chúng và

thể tập hợp các nguồn lực thu được qua mạng lưới xây dựng chính là vốn xã hội như Bourdieu đã nói. Coleman cũng cho rằng, cá thể thông qua quan hệ xã hội do tác động lẫn nhau hình thành, là một loại nguồn lực cá nhân quan trọng, có chức năng sinh sản, có thể tạo thuận lợi cho hành động cá nhân. Ông cho rằng, kiểu khái niệm vốn xã hội với biểu hiện là quan hệ giữa người với người có thể đem lại lợi ích vừa có lợi cho việc giải thích sự khác biệt của hiện tượng vĩ mô, lại vừa có thể thực hiện quá độ từ vi mô sang vĩ mô, có thể xoá bỏ đi sự đối lập trong phương pháp luận nghiên cứu xã hội học giữa hành động và cơ cấu, giữa cá thể và chính thể, giữa vi mô và vĩ mô (J. Coleman, 1990: 330-336).

Nói tóm lại, quan điểm cơ cấu mạng lưới và quan điểm cơ cấu địa vị trên thực tế là hai phương diện phân tích cơ cấu xã hội, hai loại quan điểm này trên thực tế có quan hệ bổ sung cho nhau (Bian Yanjie, 1999: 113). Trong nghiên cứu nghèo khổ, thông qua việc kết hợp hai loại quan điểm cơ cấu địa vị này, có thể cho chúng ta thấy được, việc cải thiện cơ hội sinh sống của cá thể chịu ảnh hưởng, ràng buộc của cơ cấu địa vị đã tồn tại, đồng thời cá thể trên thực tế cũng không phải là cá thể bị cơ cấu địa vị hiện tồn tại hạn chế, mà là một cá thể năng động. Cá thể có thể thông qua việc tác động qua lại lẫn nhau với các cá thể khác và thể tập hợp (tổ chức) của chúng để hình thành cơ cấu mạng lưới mới, đồng thời thu được các nguồn lực có lợi cho việc cải thiện cuộc sống từ trong mạng lưới đó, các nguồn lực thông qua cơ cấu mạng lưới kiểu này thu được là vốn xã hội.

#### **IV. Thâm nhập cơ cấu (embedded) và điểm tiếp cận trong nghiên cứu nghèo khổ ở thành phố: góc nhìn cá thể và cộng đồng**

Nghiên cứu tân xã hội học kinh tế đối với vấn đề “mang tính thâm nhập” đã đưa ra góc nhìn mới đối với việc lý giải hành động kinh tế (Bian Yanjie, 1999: 118 - 120), đã làm cho khi nghiên cứu hành vi kinh tế, bất kỳ xuất phát từ góc độ nào, chúng ta đều phải khảo sát kỹ cơ cấu xã hội mà chủ thể hành động ở trong đó (kiểu cơ cấu xã hội này hạn định hành động kinh tế) và sự tác động lẫn nhau cụ thể giữa các cá thể chủ thể hành động hoặc giữa các quần thể (Gui Yongdeng, 2003).

Đối với việc nghiên cứu cư dân nghèo khổ, hành động giảm nghèo trong các gia đình chính là thâm nhập vào các loại cơ cấu. *Một là*, chịu sự ảnh hưởng của cơ cấu địa vị mà chúng đã hình thành, đó là sự *thâm nhập cơ cấu ở tầng vi mô*. Nhân tố mang tính cơ cấu đã hình thành như địa vị kinh tế xã hội của cá thể sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến *hành vi tìm kiếm phúc lợi* của cá thể đó và kết quả của việc tìm kiếm này. Đó là cách giải thích theo quan điểm cơ cấu địa vị. *Hai là*, chịu ảnh hưởng của sự thay đổi cơ cấu cộng đồng nơi họ sống, đây là sự *thâm nhập cơ cấu ở tầng giữa*. Sự tác động lẫn nhau trong xã hội của cư dân nghèo ở mức độ nhất định vừa chịu sự hạn chế của nhân tố địa vị kinh tế xã hội đã có, đồng thời cũng chịu sự hạn chế bởi cơ cấu cộng đồng nơi họ sống. Hai nhân tố cơ cấu này của cá thể cùng tạo nên cơ hội hoặc điều kiện hạn chế giữa cá thể này với cá thể khác, tác động lẫn nhau giữa các tổ chức, cùng ảnh hưởng đến quy mô của cơ cấu mạng lưới mà chúng thông qua tác động lẫn nhau tạo nên. Đây là cách giải thích theo quan điểm cơ cấu mạng lưới. Theo cách giải thích bằng lý luận cô lập xã hội của Wilson (1987), cơ cấu cộng đồng nơi cá thể sống trên ý nghĩa nào đó cũng đã cấu thành cơ hội và điều kiện hạn chế của hành động cá thể, các cư dân sống ở những cộng đồng khác nhau có những cơ hội khác nhau. Nguyên nhân là ở chỗ, cơ cấu cộng đồng mà cá thể sống ở một mức độ nhất định thông qua quy mô mạng lưới trợ giúp xã hội ảnh hưởng đến cư dân và nguồn lực mà họ thâm nhập vào, cũng như thông qua các cơ chế khác ảnh hưởng đến cá thể thu hút các nguồn lực có lợi cho sự phát triển, từ đó này sinh ảnh hưởng đối với hành động của cư dân và kết quả của hành động. *Ba là*, tất cả các hành động của cá thể đều chịu sự ảnh hưởng của cơ cấu thiết chế kinh tế, xã hội, chính trị vĩ mô, đây là sự *thâm nhập cơ cấu ở tầm vĩ mô*. Loại quan điểm này đã nói nhiều trong những giải thích về cơ cấu



nghèo khổ, ở đây không đề cập đến nữa.

Đối với quan điểm thâm nhập cơ cấu, dưới tiền đề kết hợp cơ cấu thiết chế vĩ mô, chúng ta nhìn từ hai góc độ là cá thể và nơi ở của cá thể để nghiên cứu sự nảy sinh nghèo khổ và giải quyết vấn đề nghèo khổ ở thành phố, việc nhìn từ hai góc độ này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn như sau:

Về lý luận, *một là*, nhìn từ hai góc độ này có thể cho chúng ta thấy được nguyên nhân ở tầng vi mô và tầng giữa của sự nảy sinh nghèo khổ. Thông qua việc nhìn nhận từ hai góc độ là cá thể và nơi ở của cá thể, chúng ta có thể phát hiện được vai trò tương đối của nhân tố cơ cấu địa vị và cộng đồng nơi ở của cá thể đối với sự nảy sinh và quá trình của cá thể nghèo khổ giảm nghèo. Sự khám phá này giúp chúng ta nhận thức lại vai trò của cộng đồng trong việc tạo ra cơ hội sinh sống của cá thể, điều này vẫn còn là khoảng trống trong nghiên cứu về quan hệ giữa cộng đồng nơi cá thể ở với việc sinh sống của cá thể.

*Hai là*, về lý luận vừa có thể tiến hành kiểm nghiệm đối với lý luận cô lập xã hội, đồng thời vừa có thể bổ sung, hoàn thiện vấn đề lý luận nguồn vốn xã hội. Sau khi xuất hiện lý luận cô lập xã hội của WJ. Wilson (1987) những nghiên cứu có liên quan đến hiệu ứng cộng đồng đã trở thành điểm nóng của giới học thuật quốc tế (Small & Newman, 2001; Sampson et al, 2002; Shinn & Toohey, 2003). Nhưng nhìn một cách tổng thể, hiện nay nghiên cứu của giới học thuật quốc tế đối với hiệu ứng cộng đồng cơ bản đang ở giai đoạn phát hiện quan hệ tương quan. Vấn đề cơ chế vai trò của hiệu ứng cộng đồng vẫn chưa có câu trả lời (Small & Newman, 2001; Ainsworth, 2002; Jnecks & Mayer, 1990: 115; Farrel et al, 2004). Một mệnh đề nào đó sử dụng rất rộng rãi trong nghiên cứu về hiệu ứng cộng đồng, như lý luận cô lập xã hội của Wilson, cũng còn đợi nghiệm chứng thêm (Ainsworth, 2002). Đồng thời, vấn đề nguồn vốn xã hội cũng là vấn đề lý luận cần quan tâm, bổ sung hoàn thiện. Sau khi khái niệm "vốn xã hội" xuất hiện, việc sử dụng khái niệm này để nghiên cứu chính sách xã hội đã trở thành một thời thượng của giới học thuật. Các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới, các nhà nghiên cứu khoa học xã hội đều cho rằng, vốn xã hội là một thứ không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế và cải thiện phúc lợi xã hội, nên phát triển nó như các loại hình vốn khác, phát triển vốn xã hội của người nghèo. Nhưng hiện nay việc giải thích lý luận nguồn vốn xã hội cá thể mới hạn chế ở việc giải thích lý luận cơ hội và hạn chế của việc giao lưu xã hội do cơ cấu địa vị sinh ra (ví như Bian Yanjie, 2004). Hơn nữa, đối tượng nghiên cứu của nó cũng hạn chế ở cư dân thông thường. Còn ảnh hưởng của vốn xã hội đối với sự thay đổi của bộ phận quần thể đặc thù, cơ cấu cộng đồng cá thể sinh sống đến cá thể vẫn chưa được quan tâm, chú ý. Hàng loạt những nghiên cứu về vốn xã hội và nghèo khổ của Ngân hàng thế giới đã lờ mờ phát hiện, cơ hội sinh sống của cá thể có liên quan đến cộng đồng, cho rằng vốn xã hội của cá thể có thể thông qua cộng đồng để phát huy tác dụng đối với đời sống cá thể, nhưng quan hệ giữa vốn xã hội của cộng đồng với cá thể, vẫn chưa có giải thích về lý luận. Nói cách khác, giải thích lý luận nguồn vốn xã hội cá thể đã có, đối tượng nghiên cứu là các cư dân thông thường, giải thích lý luận cơ hội và hạn chế giao lưu xã hội do cơ cấu địa vị sinh ra, nhưng lại thiếu sót bộ phận quần thể đặc thù, đồng thời thiếu sự quan tâm, chú ý đến sự thay đổi cơ cấu cộng đồng mà cá thể sinh sống và vai trò của việc nảy sinh vấn xã hội. Do vậy, nếu chúng ta xuất phát từ góc độ thâm nhập cơ cấu, nhìn từ hai góc độ là cá thể và nơi chốn này, có thể đi sâu nghiên cứu về quan hệ giữa vốn xã hội của cá thể với cơ cấu địa vị cá thể đã có, cơ cấu cộng đồng nơi ở, như vậy, vừa có thể kiểm nghiệm lý luận cô lập xã hội của Wilson, lại vừa có thể tiến hành bổ sung và hoàn thiện vấn đề lý luận nguồn vốn xã hội.

Trong thực tế, hệ thống chính sách giải quyết nghèo khổ của Trung Quốc hiện có là kết quả của ý niệm toàn năng của nhà nước, coi nhẹ vai trò ảnh hưởng của cá thể và nơi ở của họ đối với việc làm giảm đi sự nghèo khổ. Còn thực tiễn giải quyết vấn đề nghèo khổ của nước ngoài cho thấy rõ, cần phải chú trọng đến các lực lượng xã hội bao gồm cả cộng đồng, cá thể. Do vậy, nếu chúng ta nhìn từ hai góc độ là cá thể và cộng đồng, thì có thể hiểu được và đánh giá

---

được một cách toàn diện ảnh hưởng của cá thể và nơi ở của họ đối với việc giảm nghèo. Nghiên cứu theo hai góc độ này giúp chúng ta nhận thức một cách chính xác về tác dụng và cơ chế tác dụng của cá thể và nơi họ sinh sống trong việc giảm nghèo. Từ đó, áp dụng tư duy đa chiều trong thực tiễn giải quyết nghèo khổ, xác định rõ hơn nữa vai trò của nhà nước, cộng đồng và cá thể trong việc giảm nghèo, động viên các lực lượng xã hội bao gồm cả cộng đồng và cá thể, cùng đối phó với vấn đề sinh tồn và phát triển của các quần thể yếu thế, thông qua những chính sách mới (như chính sách phát triển cộng đồng, chính sách phát triển cá thể).

### Tài liệu tham khảo

1. Bian Yanjie, “*Mạng lưới xã hội và quá trình tìm việc*”, trích từ “*Cải cách mở cửa và xã hội Trung Quốc*”, Nhà xuất bản Oxford Hồng Kông, 1999.
- Bian Yanjie, “*Sự chuyển đổi thị trường và phân tầng xã hội*”, Nhà sách Tam Liên, Bắc Kinh, 2002.
- Bian Yanjie, “*Nguồn và vai trò vốn xã hội của cư dân ở thành thị: quan điểm mạng lưới và phát hiện điều tra*”, Khoa học xã hội Trung Quốc, số 3 năm 2004.
2. Duan Minfang, “*Quần thể yếm thế làm thế nào ra khỏi vòng tuần hoàn ác tính nghèo đói*”, Nghiên cứu Tài mậu, số 5 năm 2002.
3. Gui Yong, Chen Demei, Zhu Guohong, “*Mạng lưới xã hội, thiết chế văn hóa và hành vi tìm việc: vấn đề thâm nhập*”, Học báo Phúc Đán (bản Khoa học xã hội), số 3 năm 2003.
4. Guan Xiping, “*Nghiên cứu vấn đề nghèo khổ ở thành phố Trung Quốc*”, Nxb nhân dân Hồ Nam, 1999.
5. Guo Yideng, “*Tác động qua lại lẫn nhau trong quan hệ giữa người với người và mạng lưới hóa cơ cấu xã hội*”, Khoa học xã hội, số 8 năm 2003.
6. Huang Ping, “*Anthony Giddens: cơ cấu hóa và tính hiện đại*”, Xã hội học nước ngoài, số 1 năm 1995.
7. Hou Jun sheng (chủ biên), “*Giáo trình lý luận xã hội học phương Tây*”, Nxb Đại học Nam Khai, 2001.
8. Ly Hongzhuan, “*Xây dựng lại lịch sử quan xã hội phương Tây đương đại: tổng thuật lý luận cơ cấu hóa của Anthony Giddens*”, Dạy học và Nghiên cứu, số 4 năm 2004.
9. Li Meng, “*Xã hội học phương Tây từ thời đại Parsons đến thời đại hậu Parsons*”, Học báo đại học Thanh Hoa (bản Khoa học xã hội), số 2 năm 1996.
10. Li Quansheng, “*Giới thiệu sơ lược về lý luận nơi chốn của Bourdieu*”, Học báo đại học Yên Đài (Bản Khoa học xã hội), số 2 năm 2002.
11. Liu Jiangtao, Tian Youzhong, “*Từ tính nhị nguyên đến tính kép (er zhong) - Anthony Giddens vượt qua quy tắc phương pháp Xã hội học*”, Học thuật Hà Bắc, số 3 năm 2003.
12. Liu Yuting, “*Nghiên cứu vấn đề nghèo khổ thành thị của nước ngoài*”, Nghiên cứu thành thị hiện đại, số 1/2003.
13. Liu Zhongqi, Feng Tianxiao, “*Sự thực xã hội của chính thể và hành động xã hội: so sánh các điểm cơ bản về lôgic trong phương pháp luận xã hội học của Durkheim và Weber*”, Tập san Khoa học xã hội, số 2/2002.
14. Bourdieu, Wacquant, “*Thực tiễn và xét lại - dẫn dắt xã hội học xét lại*”, Nxb Biên dịch trung ương Bắc Kinh, 1998.
15. Xiao Junming, “*Lý luận thực tiễn và lý luận văn hóa tái sinh của Bourdieu*”, Khoa học xã hội nước ngoài, số 4/1996.
16. Zhou Yi, “*Nghiên cứu nghèo khổ: sự đối đầu giữa giải thích cơ cấu và giải thích văn hóa*”, Nghiên cứu Xã hội học, số 3/2002.
17. Zhou Binbin, “*Thách thức với nghèo khổ - lý luận và thực tiễn làm giảm đi nghèo khổ của nước ngoài*”, Nhà xuất bản Nhân dân, 1991.
18. Zhou Xueguang, “*Mười bài thuyết trình về xã hội học tổ chức*”, Nxb Đại học Thanh Hoa, 2003.

19. Zhou Zhishan, Xu Daping, “*Tính năng động và tính hạn chế trong các hoạt động thực tiễn: thuật ý học thuyết tính kép trong cơ cấu của Anthony Giddens*”, Học báo đại học sư phạm Chiết Giang (bản Khoa học xã hội, số 5 năm 2002).
20. Zhou Yele, “*Từ thực thể đến quan hệ: khó khăn và vượt qua của chủ nghĩa cá thể và chủ nghĩa chính thể*”, Học báo đại học Thương Hải (Bản Khoa học xã hội), số 4 năm 2004.
21. Max. Weber, “*Phương pháp luận Khoa học xã hội*”, Nxb Hoa Hạ Bắc Kinh, 1978.
22. Durkhiem (Hu Wei dịch), “*Quy tắc phương pháp Xã hội học*”, Nxb Hoa Hạ, Bắc Kinh, 1998.
23. Anthony Giddens, “*Cấu thành xã hội*”, Li Kang. Li Meng dịch, Wang Mingming hiệu đính, Hiệu sách Tam Liên, 1989, tr. 89.
24. Jonathan H.Turner, “*cơ cấu lý luận Xã hội học*” (quyển hạ), Nxb Hoa Hạ, 2001, tr. 170 – 173.
25. J. Coleman, “*Cơ sở lý luận xã hội*” (Đặng Phương dịch), Nxb Văn hiến Khoa học xã hội, 1990.
26. Robert J Sampson, Jeffrey D Morenoff; Thomas Gannon-Rowley (2002). *Assessing "neighborhood effects": Social processes and new directions in research* , ?Annual Review of Sociology, 28, P. 443-478.
27. James W. Ainsworth (2002). *Why Does It Take a Village? The Mediation of Neighborhood Effects on Educational Achievement* , ?Social Forces, September 2002, 81(1), P. 117-152.
28. Susan J. Farrell, Tim Aubry, and Daniel Coulombe (2004). *Neighborhoods and Neighbors: Do they contribute to personal well-being*, Journal of Community Psychology. Vol. 32, No. 1, P. 9–25.
29. C. Jnecks & S. E. Mayer (1990). *The social consequences of growing up in a poor Neighborhood*, in M.G.H. McGeary & E.L. Lawrence (eds.) “*Inner City Poverty in the United States.*” National Academic Press: Washington, D.C.
30. Marybeth Shinn & Siobhan M Toohy (2003). *Community contexts of human welfare*. Annual Review of Psychology; 2003; 54, P.427-459
31. Mario Luis Small & Katherine Newman (2001). *Urban poverty after the truly Disadvantaged : The rediscovery of the family, the neighborhood, and culture* , Annual Review of Sociology (27), P.23-45
32. Duneier M, (1992). *Slim's table: Race, respectability, and masculinity*, Chicago: Univ. Chicago Press
33. Nightingale C., 1993. *On the Edge: A History of Poor Black Children and Their American Dreams*. New York: Basic Books
34. Newman KS, 1999. *No Shame in my game: The working poor and the inner city*, New York: Knopf & Russell, Sage Found
35. Wilson WJ. 1987, *The Truly Disadvantaged: The Inner City, the Underclass, and Public Policy*, Chicago, Univ. Chicago Press
36. Bruce H Rankin & James M Quane, 2000: *Neighborhood poverty and the social isolation Of inner-city African American*, Social Forces, 79(1), P.139-164.

Người dịch: Hoàng Thế Anh